



Cho đến nay, nước ta vẫn là nước kinh tế chậm phát triển, với công nghiệp nhỏ bé, nông nghiệp lạc hậu, năng suất lao động thấp. Trong cơ cấu kinh tế quốc dân, nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất vật chất chủ yếu, tạo ra 40% tổng sản phẩm xã hội và 50% thu nhập quốc dân sản xuất. Tỷ trọng đó sẽ thay đổi theo hướng công nghiệp

nuôi, đánh bắt hải sản... Vì vậy phát triển toàn diện nông thôn nói chung và nông nghiệp nói riêng là nhiệm vụ quan trọng để ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

I. NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG NÔNG THÔN VÀ NÔNG NGHIỆP.

1. Giai đoạn trước năm 1945

Gạo là lương thực chủ yếu cho người và gia súc của nhiều nước trên thế giới. Trước thế chiến thứ II, ba nước Đông Dương, Thái Lan và Mianma nhiều năm đã cung cấp tới 9/10 tổng số gạo trên thị trường thế giới. Trong các nước đó thì nhiều năm ở Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam, vì Việt Nam sản xuất số lượng lúa gấp 5 lần và năng suất của một ha gieo trồng cũng cao hơn Lào và Campuchia) đứng hàng thứ hai trong việc xuất khẩu gạo (cung cấp 22,1% cho thị trường gạo thế giới).

Về đất đai, đến năm 1945, trong tổng số 4,3 triệu ha đất trồng trọt thì khoảng 70% diện tích nằm trong tay địa chủ và người Pháp. Trong khi đó

dân chủ nhân dân, trước hết bằng việc tịch thu và chia cấp ruộng đất của Pháp, địa chủ, công điền, công thổ cho nông dân nghèo. Đến những năm 1953 - 1957 thực hiện cải cách ruộng đất với khẩu hiệu "người cày có ruộng" đã chia 81 vạn ha cho hơn hai triệu nông hộ.

Cùng với việc xác lập quyền sở hữu ruộng đất của nông dân, tháng 5 1955 Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành một hệ thống chính sách phát triển nông nghiệp: bảo đảm quyền sở hữu ruộng đất của hộ nông dân; bảo vệ tài sản của nông dân; khuyến khích nông dân khai hoang phục hóa; ruộng đất khai hoang được miễn thuế 5 năm, phục hóa được miễn thuế 3 năm; khi đóng thuế được công nhận quyền sở hữu, tự do thuê mướn công nhân; tự do vay mượn, tự do thuê và cho thuê trâu bò; khuyến khích các hình thức đối công tương trợ; bảo hộ, khen thưởng những nông dân làm ăn giỏi; khuyến khích và phát triển nghề phụ gia đình; nghiêm cấm phá hoại sản xuất.

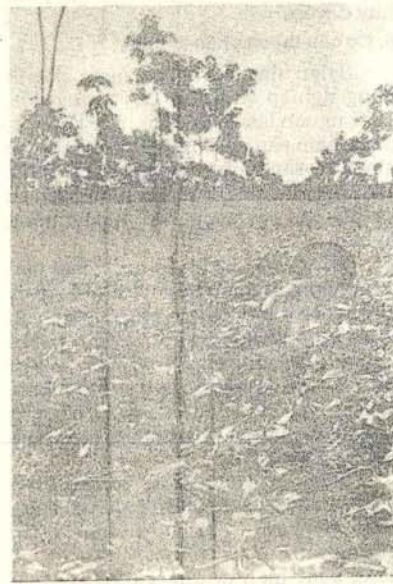
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CỦA

NÔNG THÔN VÀ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



hoá và hiện đại hóa nền kinh tế trong đó có nông nghiệp.

Nông thôn Việt Nam có địa bàn rộng lớn, chiếm 95% diện tích lãnh thổ, trải ra từ các vùng miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển; với 54 dân tộc sinh sống trong 11 triệu hộ gia đình, chiếm 80% dân số, 65% lao động cả nước, làm nhiều nghề: trồng trọt, chăn



nông dân chiếm trên 90% dân số nhưng chỉ có 30% ruộng đất, 59,2% số hộ không có ruộng. Như vậy, trong thời kỳ này đất đai phần lớn thuộc sở hữu tư nhân.

2. Giai đoạn từ 1945 - 1960

Trong kháng chiến chống Pháp, nhà nước thực hiện chính sách kinh tế

PTS. ĐINH SƠN HÙNG

Nhờ hệ thống chính sách kinh tế đúng đắn đó nên đã tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Biểu hiện ở chỗ 85% diện tích ruộng đất hoang hóa trong chiến tranh được đưa vào sản xuất, những công trình thủy lợi mới được xây dựng cùng với việc phục hồi những công trình cũ. Sản lượng lương thực tăng lên đều đặn hàng năm (1956: 4,7 triệu, 1958: 4,8 triệu và 1959: 5,59 triệu tấn).

Những năm 1958 - 1960, cùng với phong trào hợp tác hóa là quá trình chuyển sở hữu ruộng đất của nông hộ sang sở hữu tập thể. Tính đến cuối năm 1960, 76% diện tích đất canh tác của hơn 2,4 triệu nông hộ được tập thể hóa.

Như vậy quyền sở hữu ruộng đất của nông hộ chỉ được thực hiện trong vài ba năm, đến nay bị xóa bỏ, thay vào đó là chế độ sở hữu tập thể mà người đại diện là ban quản trị hợp tác xã (HTX). Ruộng đất được tập thể hóa nhưng sử dụng không có hiệu quả, dẫn đến sự giảm sút của sản xuất. Sản lượng lương thực năm 1960 giảm gần 1

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

triệu tấn, năng suất lúa giảm 200 kg/ha; lương thực bình quân đầu người giảm từ 390 kg (1959); xuống 292 kg (1960). Sự giảm sút của sản xuất tất yếu làm tăng thêm số hộ nghèo đói trong nông thôn.

3. Giai đoạn 1961 - 1965

Đây là thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với việc chuyển hàng loạt HTX bậc thấp lên HTX bậc cao. Đến 1965 số HTX bậc cao đã chiếm 76,7% số HTX. Cũng trong thời kỳ này nhà nước đã tăng đầu tư vào nông nghiệp. So với giai đoạn 1958 - 1960 thì xây dựng cơ bản gấp 5 lần, điện năng phục vụ nông nghiệp gấp 9 lần, máy kéo gấp 11 lần. Cơ sở hạ tầng của các HTX như: chuồng trại, nhà kho, sân phơi, thủy lợi... được đẩy mạnh xây dựng.

Nhờ việc gia tăng mạnh mẽ đầu tư vào nông nghiệp nên thu nhập trên ha tăng 44%, trên lao động tăng 2 lần, lương thực bình quân đầu người đạt 300 kg. Tuy vậy tình trạng nghèo đói ở nông thôn vẫn chưa được chấm dứt. Số liệu cho thấy trong thời kỳ này: nghèo tuyệt đối 45 - 50%, thiếu đói 24 - 29%; đói gay gắt 6 - 11%

4. Giai đoạn 1966 - 1975

Đây là thời kỳ bắt đầu sự sa sút của các HTX. Lương thực bình quân năm chỉ còn ở mức 253 kg/đầu người. Tình trạng nghèo đói được ước lượng như sau: nghèo tuyệt đối 60 - 70%; thiếu đói 33 - 44%, đói gay gắt 7 - 26%.

5. Giai đoạn 1976 - 1980

Miền Bắc tiếp tục chuyển lên HTX bậc cao, năm 1975 đạt tới 85%. Đồng thời các HTX tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật. Số máy công tác, máy động lực; sân kho, chuồng trại... đều tăng. Đến năm 1975 có tới 96% số HTX nông nghiệp ở đồng bằng được trang bị cơ khí. Nhưng hiệu quả kinh tế lại không tăng cùng một tỷ lệ (nếu không muốn nói là hiệu quả kinh tế vận động ngược chiều) với quy mô của HTX và tốc độ tăng chi phí sản xuất.

Ở miền Nam, đến năm 1975, phần lớn địa chủ đã chuyển sang kinh doanh công, thương nghiệp. Đa số dân nông thôn là trung nông (70% số nông hộ) sở hữu 80% diện tích canh tác. Có thể nói rằng trung nông hóa phổ biến là đặc trưng nổi bật của nông dân Nam bộ trước 30.4.1975. Trình độ cơ giới hóa nông nghiệp khá cao. Đến đầu năm 1975 nông nghiệp Nam bộ đã trang bị 20.987 máy kéo lớn với công suất 506.974 CV; 549 máy tuốt lúa, công suất 3.928 CV; 2.500 máy bơm, công suất 21.680 CV... Tổng năng lực cơ khí 1,2 triệu CV; sử dụng gần 1 triệu tấn phân bón hóa học trong một năm, 31,8% diện tích canh tác cây giống mới.

Do vậy nhiều vùng nông thôn có sức sản xuất phát triển, hình thành sự

phân công đa dạng: sản xuất nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ, chế biến nông sản, thương nghiệp và lao động tự do. Hệ thống dịch vụ cho sản xuất và lưu thông hàng hóa, tiền tệ đã hình thành thông suốt từ thành thị đến tận hộ nông dân; bước đầu gần được nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với chế biến và lưu thông tiêu thụ sản phẩm.

Sau 1975, để giải quyết vấn đề sở hữu ruộng đất, phong trào HTX được thúc đẩy phát động ở nông thôn miền Nam. Đến tháng 7.1980, đã xây dựng được 1518 HTX sản xuất nông nghiệp, trung bình mỗi HTX có 372 ha với 579 nông hộ; 9350 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, bình quân mỗi tập đoàn có 40 ha và 38 hộ.

Nhưng trên cả nước do nhiều thiếu sót về tổ chức, quản lý... nên đã làm nông dân xã viên không quan tâm đến sản xuất trên đồng ruộng HTX vì

100" ra đời với nội dung "khoán sản phẩm cuối cùng cây lúa đến nhóm và người lao động". Với "Khoán 100" người nông dân được "cởi trói" khỏi cơ chế quan liêu bao cấp, làm chủ chung của sản xuất tập thể, sản phẩm vượt khoán đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Tuy vậy việc vẫn duy trì chế độ công diêm, không ổn định ruộng đất và mức khoán, là những nguyên nhân của nhiều hiện tượng tiêu cực trong kinh tế - xã hội nông thôn, mà biểu hiện tập trung là sự giảm sút sản lượng lương thực trong 2 năm 1986 - 1987 và nạn đói giáp hạt tháng 3 - 1988. Vì vậy năm 1988 "khoán 10" ra đời với nội dung "khoán theo đơn giá thanh toán gọn đến hộ xã viên". Và tháng 10.1989 "khoán 10" được hoàn thiện thêm một bước nữa với nội dung "khoán gọn" đến hộ và xác định "hộ xã viên là đơn vị



vậy sản lượng lương thực tăng không kịp tốc độ tăng dân số, mức lương thực bình quân là 259 kg/đầu người. Đây là thời kỳ sút kém nhất của phong trào HTX sản xuất nông nghiệp. Nhiều HTX và tập đoàn sản xuất lâm vào tình trạng tan rã. Sự nghèo đói ước lượng như sau: nghèo tuyệt đối 54 - 72%; thiếu đói 33 - 39%; đói gay gắt 7 - 20%.

Thực trạng kinh tế nông nghiệp và nông thôn thời điểm này khiến cho Đảng và nhà nước phải nhìn nhận lại chính sách kinh tế, lấy việc đáp ứng lợi ích kinh tế của nông dân làm động lực để phát triển sản xuất nông nghiệp, trên cơ sở gắn lao động với ruộng đất, khuyến khích nông dân tận dụng đất hoang hóa, tự do lưu thông sản phẩm ngoài nghĩa vụ.

6. Giai đoạn 1981 đến nay

Năm 1981 chính sách "khoán

kinh tế tự chủ". Với "khoán 10" sức sản xuất trong nông nghiệp được giải phóng mạnh mẽ, nông dân được tự chủ trong toàn bộ quá trình sản xuất, gieo cấy đúng thời vụ, thu hoạch nhanh gọn... nên đã tăng năng suất lao động lên 15 - 20%. Diện tích gieo trồng cũng tăng. Tổng diện tích gieo trồng đạt trên 10 triệu ha, trong đó cây công nghiệp hàng năm 8 triệu ha, cây lương thực 7 triệu ha, ruộng lúa nước trên 6 triệu ha (trước "khoán 10" bình quân 5,6 triệu ha/năm).

Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm tăng cả về số lượng đầu con và trọng lượng xuất chuồng. Phong trào nuôi cá, tôm xuất khẩu đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Vì vậy giá trị sản phẩm chăn nuôi (dù còn thấp, chưa đến 25%) trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng dần.

Có thể nói tăng diện tích và tăng năng suất lao động là sự phản ánh hiệu quả của "khoản 10" và nhờ vậy làm tăng sản lượng lương thực thực phẩm, dù trong thời gian này có những năm thời tiết không thuận lợi. Do đó từ 1989 đến nay sản lượng lương thực luôn đạt trên 21 triệu tấn. Cũng có thể nói rằng năm 1989 là năm đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển nông nghiệp Việt Nam. Từ một nước thiếu gạo triển miên và đứng hàng thứ 17 trên thế giới về nhập khẩu lương thực, trong 4 năm liên Việt Nam là nước thứ ba về xuất khẩu gạo, sau Thái Lan và Mỹ. Cuộc sống của nông dân do đó cũng được cải thiện. Theo số liệu điều tra, đến nay ở nông thôn có khoảng 20% số nông hộ có thu nhập cao, có dư thừa sản phẩm, có đủ tiện nghi sinh hoạt; hơn 60% số nông hộ có thu nhập và mức sống trung bình, và gần 20% số hộ thu nhập thấp, đời sống còn nhiều khó khăn. Tuy vậy, xu hướng chung là số hộ có thu nhập cao tăng dần, số hộ nghèo, thu nhập thấp giảm dần.

II. MÔ HÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Nông thôn mới mà ta xây dựng là xã hội nông thôn giàu có, phát triển toàn diện, có cơ cấu kinh tế đa dạng, sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển. Người nông dân có ruộng cây cấy, mọi người có việc làm, mức thu nhập tối thiểu được đảm bảo, đời sống ngày một nâng cao, số người giàu có chính đáng ngày một tăng, hộ nghèo khó sẽ giảm và tiến tới xóa bỏ. Người dân được sống trong bầu không khí công bằng xã hội, dân chủ. Đời sống văn hóa, y tế ngày càng phát triển, truyền thống tốt đẹp của cộng đồng được phát huy, cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cấp.

Để có một mô hình nông thôn như vậy, chính sách đối với nông thôn và quản lý sản xuất nông nghiệp cần tiến hành theo phương thức và các biện pháp sau:

1. Đổi mới phương thức hoạt động của HTX

Cần xác định rõ nội dung kinh tế của HTX là tập trung vào kinh doanh dịch vụ: tổ chức hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, đảm bảo về thủy lợi, bảo vệ thực vật, công tác thú y, cung cấp giống, phát triển ngành nghề, kinh doanh công nghiệp chế biến, bảo đảm đầu vào, đầu ra cho hộ xã viên. Như vậy HTX hoạt động trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận với hộ xã viên và bằng nguồn thu do kinh doanh dịch vụ đem lại.

2. Nhanh chóng hoàn thành việc giao ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân

Người nông dân có thể tự nguyện thỏa thuận đổi ruộng đất cho nhau canh tác thuận lợi, có quyền thừa kế, cho thuê, thế chấp. Như vậy, sẽ làm

cho đất đai gắn bó máu thịt với nông dân và do đó việc sử dụng đất sẽ đạt hiệu quả hơn.

Hệ thống quản lý đất gồm hai tầng: nhà nước thống nhất quản lý ở tầm vĩ mô, nông hộ sử dụng quản lý ở tầm vi mô.

3. Phát triển mạnh kinh tế hộ

Sự phát triển của kinh tế hộ sẽ kích thích tinh năng động sáng tạo của nông dân, đánh thức dậy mọi tiềm năng trong dân cư. Nhờ đó một mặt sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, mặt khác một bộ phận nông dân sẽ mở rộng quy mô sản xuất có tính chất trang trại. Nông nghiệp qua đó vừa tăng khả năng cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất công nghiệp vừa mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của công nghiệp.

4. Đổi mới chính sách vĩ mô của nhà nước

Ngoài chính sách về ruộng đất, thuế nông nghiệp; cần chú trọng một số chính sách sau:

- Chính sách đầu tư và tín dụng đối với nông nghiệp và xây dựng nông thôn. Ưu tiên dành vốn ngân sách cho việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, cho nông dân vay vốn với lãi suất ưu đãi.

- Đẩy mạnh khuyến nông, tăng cường thông tin về quản lý, kỹ thuật, giá cả, thị trường.

- Thực hiện từng bước chính sách bảo trợ giá cho những nông phẩm quan trọng và bảo hiểm sản xuất nông nghiệp. Khắc phục dần tình trạng giá cánh kéo quá lớn giữa hàng nông sản và hàng công nghệ, dịch vụ.

- Chú trọng phát triển ngành nghề mới, xây dựng công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ để thu hút lao động và cải tiến bộ mặt nông thôn.

- Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo đời sống, vật chất, tinh thần cho những người có công với nước.

- Đối với những người nghèo khó, rủi ro trong cuộc sống ngoài cứu trợ xã hội, cần tạo điều kiện giúp đỡ vốn, công cụ lao động, hướng dẫn kỹ thuật để họ có điều kiện tự vươn lên lo liệu cuộc sống ♣

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Thị Hằng, tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 10.1993.
- Nguyễn Hà Phan, tạp chí *Cộng sản*, 10.1992.
- Nguyễn Sinh Cúc, "Chính sách khoán trong nông nghiệp", *Thông tin lý luận*, 11.1992.
- Trần Trường, "Gạo, con chủ bài trong chiến lược kinh tế của chính quyền Pháp ở Đồng Dương", *Nghiên cứu kinh tế*, 10.1991.
- Võ Chí Công, "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta", tạp chí *Cộng sản*, 6.1993

Nghĩ tới nông nghiệp, người ta hình dung một vùng ruộng lúa, vườn cây, sau lũy tre làng. Về sau, trên vườn có thêm đậu phộng, thuốc lá, mía. Mấy năm khô, khoai lang, bắp cũng được để ý, thậm chí, năm 1978-1979, bo bo cũng là cây lương thực.

Trong chuỗi, truyền thống là heo, gà, phát triển lên là trâu, bò rồi bò sữa, cút, gà công nghiệp... đa dạng.

Mấy năm nay, diện tích đất nông nghiệp giảm, từ 1991-1992 giảm 3500 ha, năm 1993 giảm nhanh hơn nữa, người dân đã biết bù đắp lại, bằng các biện pháp tăng vụ hay trồng những cây có năng suất cao và giá trị đắt hơn.

Đời sống nhân dân nhìn chung, đã thấy phấn khởi, nhất là từ khi có Khoản 10, được làm chủ ruộng vườn mình, người dân đầu tư hết lòng vào đất và tạo được chuyển biến lớn đó là nông sản dồi dào, có khả năng xuất khẩu lớn.

Năm 1994 và các năm tiếp theo, thành phố còn tiếp tục đầu tư xây dựng cơ bản lớn như tiếp tục làm kinh N31A ở Củ Chi, khởi công mới công trình thủy lợi nội đồng Hóc Môn - Bắc Bình Chánh, công trình thủy lợi vùng bùng Ông Thoàn (Thủ Đức), kè đá vùng duyên ven Cần Giuộc... với vốn ngân sách, vốn vay ngân hàng và vốn vay liên doanh. Riêng huyện Cần Giuộc, việc trồng mới, bảo vệ chăm sóc, khoán đất, giao rừng, trồng rừng phòng hộ cũng được chú ý để hỗ trợ cho nông nghiệp đặc thù của huyện này.

Cũng trong 2 năm 1994-1995, thành phố sẽ đầu tư cho các quận 8, Gò Vấp, và 6 huyện ngoại thành gần 40.000 triệu đồng để các nơi làm công trình xây dựng cơ bản nhất là xây dựng thủy lợi, cống bọng, đê bao, giải quyết ô nhiễm...

Công tác khuyến nông ở giai đoạn này được nâng cấp từ tập huấn khoa học kỹ thuật, chú ý phương pháp mới như IPM, đến tổ chức tham quan hội thảo, trình diễn, ứng dụng tận nông thôn, ấp xóm... dành một kinh phí lớn nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là thay đổi giống thoái hóa, tìm giống mới phù hợp hơn.

Nhờ vậy, nông nghiệp ngoại thành đã thúc đẩy sự năng nổ của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế hộ thêm phấn khởi đầu tư vốn và trí tuệ vào đất.

Tuy nhiên, nhìn kỹ, vẫn thấy nông nghiệp ngoại thành còn bộc lộ nhiều nhược điểm, đó là sự thiếu ổn định, độc canh và thuần nông còn chiếm tỷ trọng 60%, nguồn thủy sản ngày càng giảm, đất nông nghiệp ngày càng giảm, cơ sở hạ tầng còn thấp, ô nhiễm môi trường và nguồn nước ngày một báo động. Đặc biệt, thị trường tiêu thụ nông sản phẩm không ổn định và chưa được quan tâm chỉ đạo các hình thức hợp tác hóa mới thay cho hợp tác xã tập đoàn cũ không hiệu quả.

Năm ngoái, khi Ban kinh tế